

Bản án số: 07/2024/DSST
Ngày: 04 - 01 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Chí
- Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 592/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 534/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Lý Nguyên H, sinh năm 1961; địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: bà Thái Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông H, bà N và bà T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 03 tháng 7 năm 2023, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lý Nguyên H là nguyên đơn trình bày:

Ông với chồng của bà N làm cùng đơn vị ở Z751, sinh sống cùng xóm nên thân với nhau. Từ năm 2018, ông cho cá nhân bà N mượn vài chục triệu, sau đó bà N mượn tiền tăng dần lên vài trăm triệu, chồng của bà N không biết việc vay mượn này.

Khoảng tháng 12/2021, ông về miền Bắc để chăm sóc mẹ ông bị bệnh cho đến khi bà mất và làm đám tang cho bà. Tháng 5/2022, ông về lại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông và bà N chốt lại số nợ gốc bà N còn nợ tính đến ngày 13/11/2022 là 1.280.000.000 đồng. Bà N viết giấy mượn tiền ngày 13/11/2022 có nội dung: bà N hẹn đến tháng 3/2023 trả cho ông nợ gốc là 280.000.000 đồng và trong 03 tháng tiếp theo, bà N trả dần cho ông số tiền gốc 1.000.000.000 đồng. Trong giấy mượn tiền, bà N không có ghi tiền lãi nhưng bà N có hứa sẽ trả cho ông tiền lãi theo mức lãi suất 2%/1 tháng.

Tuy nhiên, từ khi viết giấy vay cho đến nay, bà N không trả cho ông nợ gốc và nợ lãi như đã hứa, bà N đã bán nhà và bỏ đi. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ như sau:

Bà N trả cho ông nợ gốc là 1.280.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 13/11/2022 và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 01/7/2023 cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất 10%/1 năm.

Số tiền ông yêu cầu cụ thể từ ngày 01/7/2023 đến ngày xét xử (ngày 04/01/2024) là:

$(1.280.000.000 \text{ đồng} \times 188 \text{ ngày} \times 10\%/1 \text{ năm}) : 365 \text{ ngày} = 65.928.767 \text{ đồng}.$

Tổng cộng bà N trả cho ông là $(1.280.000.000 \text{ đồng} + 65.928.767 \text{ đồng}) = 1.345.928.767 \text{ đồng}$ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà N trả cho ông tiền lãi chậm trả cho đến khi bà N trả xong các khoản nợ gốc và nợ lãi.

Ông không yêu cầu chồng bà N liên đới trả nợ.

2. Bị đơn – bà Thái Thị N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

4. Tại biên bản lấy lời khai ngày 31 tháng 7 năm 2023, bà Nguyễn Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 13/11/2022, chồng bà là ông H có cho bà Thái Thị N mượn số tiền 1.280.000.000 đồng. Trong giấy vay nợ, bà N hẹn tháng 3/2023 trả cho ông H số tiền 280.000.000 đồng và bà N trả dần cho ông H số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng trong 03 tháng tiếp theo.

Bà xác định số tiền ông H cho bà N vay là tiền riêng của ông H. Bà không có quyền lợi gì liên quan đến số tiền ông H cho bà N vay.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Tòa án:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Ông H và bà T thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà N là bị đơn không thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà N trả cho ông H số tiền 1.345.928.767 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 1.280.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/7/2023 đến ngày xét xử là 65.928.767 đồng. Thời hạn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông H khởi kiện yêu cầu bà N trả lại số tiền nợ vay theo giấy mượn tiền ngày 13/11/2022. Bà N cư trú tại quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về người tham gia tố tụng:

Ông H và bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Bà T xác nhận số tiền ông H cho bà N vay là tiền riêng của ông H, bà không có quyền lợi gì liên quan đến số tiền này. Căn cứ khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định bà T không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, bà T không được thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Theo kết quả xác minh của Công an Phường B quận C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/7/2023 thể hiện: Bà N có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ đường A,

Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà từ tháng 6/2022, bỏ đi đâu không rõ. Thực tế không còn cư ngụ tại địa phương.

- Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà N nhưng bà N vắng mặt, không nộp (*gửi*) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

- Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 1.280.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ giấy mượn tiền ngày 13/11/2022 thể hiện bà N có mượn của ông H số tiền nợ gốc là 1.280.000.000 đồng. Ông H khẳng định bà N không trả cho ông số tiền nợ gốc như thỏa thuận trong giấy mượn tiền. Bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H.

- Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/7/2023 đến cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất 10%/1 năm, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong giấy mượn tiền ngày 13/11/2022, bà N hẹn đến tháng 3/2023 trả cho ông H nợ gốc là 280.000.000 đồng và trong 03 tháng tiếp theo, bà N trả dần cho ông số tiền gốc 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi đến hạn bà N không trả nợ cho ông H như đã thỏa thuận nên ông H yêu cầu bà N trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/1 năm, tính từ ngày 01/7/2023 đến ngày xét xử là 65.928.767 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét bà N chậm thực hiện nghĩa vụ theo giấy mượn tiền ngày 13/11/2022, ông H và bà N không thỏa thuận về việc trả lãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 và điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí khi khởi kiện.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 5, 91, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 116, 117, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Bà Thái Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Lý Nguyên H tổng số tiền là 1.345.928.767 (một tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 1.280.000.000 (một tỷ hai trăm tám mươi triệu) đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/7/2023 đến ngày xét xử là 65.928.767 (sáu mươi lăm triệu chín trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 52.377.863 (năm mươi hai triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm sáu mươi ba) đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông H, bà N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Thành viên

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hội đồng xét xử

Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

